TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2024/DS-ST
Ngày: 19-7-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Hoa.

2. Bà Trương Thị Như Ngọc.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Thị Trúc Thư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa***: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 7 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2024/TLST-DS ngày 29/01/2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2024/QĐXXST-DS ngày 15/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2024/QĐST-DS ngày 08/5/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2024/QĐST-DS ngày 31/5/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2024/QĐST-DS ngày 27/6/2024, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Hồng L, sinh năm 1981; địa chỉ: Khu phố B, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

2- Bị đơn: Anh Lê Văn K và chị Phạm Thị N; cùng địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt lần 02 không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:* Ngày 06/12/2019 âm lịch chị N có mượn của chị L số tiền 90.000.000 đồng, hẹn qua tết trả nhưng đến nay vẫn không trả. Nay yêu cầu trả gốc và lãi là 162.000.000 đồng.

Ngày 08/12/2019 âm lịch chị N có nhờ mượn giùm 30.000.000 đồng và mượn của chị L 25.000.000 đồng, đến nay chưa trả. Nay yêu cầu trả gốc và lãi là 99.000.000 đồng.

Ngày 30/11/2019 âm lịch chốt tiền hụi chị N còn nợ chị L 26.000.000 đồng, nhưng đến nay vẫn chưa trả. Nay yêu cầu trả gốc và lãi là 46.800.000 đồng.

Tổng cộng chị L yêu cầu anh K và chị N trả số tiền 307.800.000 đồng (Ba trăm lẻ bảy triệu tám trăm nghìn đồng). Trong đó gốc là 171.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi mốt triệu) và tiền lãi là 136.800.000 đồng (Một trăm ba mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa nguyên đơn là chị L trình bày: Chị N có chồng là anh K khi chơi hụi và vay tiền còn là vợ chồng. Nhưng vợ chồng chị N không trả tiền theo thỏa thuận. Trong hợp đồng vay ghi mượn nên nay chị L thống nhất chỉ yêu cầu tiền vốn là 171.000.000 đồng. Rút lại yêu cầu đối với tiền lãi.

- *Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có ý kiến trình bày.*

- *Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng và chấp hành nội quy phiên tòa. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định. Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả số tiền gốc 171.000.000 đồng. Đình chỉ đối với tiền lãi đã rút yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị L và chị N có hợp đồng góp hụi và vay tài sản, nay có tranh chấp chị L yêu cầu Tòa án giải quyết nên xác định quan hệ pháp luật là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi"*.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã giải thích các trường hợp được trợ giúp pháp lý miễn phí, nhưng đương sự có mặt xác định không thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý miễn phí.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Chị L khởi kiện có cung cấp tài liệu, chứng cứ là biên nhận của chị N, có ghi từng phần nợ. Bị đơn là chị N và anh K vắng mặt và không có ý kiến gì phản bác yêu cầu và tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Do đó, căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là tình tiết, sự kiện có thật. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L.

Chị N có chồng là anh K, nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên anh K phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ.

Theo đơn khởi kiện chị L yêu cầu vợ chồng chị N trả nợ gốc theo biên nhận và tiền lãi. Tại phiên tòa chị L thay đổi yêu cầu, chỉ yêu cầu trả gốc theo biên nhận, rút yêu cầu phần tiền lãi nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét nợ gốc và căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết đối với phần tiền lãi đã rút yêu cầu.

[3] Án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí đối với nghĩa vụ phải thi hành là 171.000.000 đồng x 5% = 8.550.000 đồng.

Chị L không chịu án phí nên được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 92, 147, 227, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, 463, 466, 468, 471 của Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13; Điều 23, 25 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về *"họ, hụi, biêu, phường";* các Điều 6, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Trần Thị Hồng L đối với chị Phạm Thị N và anh Lê Văn K. Buộc chị Phạm Thị N và anh Lê Văn K liên đới trả cho chị Trần Thị Hồng L số tiền 171.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi mốt triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hằng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu đã rút đối với số tiền lãi 136.800.000 đồng (Một trăm ba mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng).

2- Án phí sơ thẩm:

Buộc chị Phạm Thị N và anh Lê Văn K chịu tiền án phí sơ thẩm là 8.550.000 đồng (Tám triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Hoàn trả cho chị Trần Thị Hồng L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.695.000 đồng (Bảy triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005147 ngày 23/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

3- Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

4- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Trường Hận